

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 422/2019/DS-PT

Ngày: 18 - 9 - 2019

V/v Tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 18 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 160/2019/TLPT-DS ngày 12 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2018/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1791/2019/QĐXX-PT ngày 08 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim NĐ, sinh năm 1958

Địa chỉ: Cavalariweg 71 3902 JS Veenendaal Holland.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Liên H, sinh năm 1957

Địa chỉ: Số 43, tổ 12, đường Q1, khóm Q2, phường Q3, thành phố Đ, tỉnh An Giang.

(Văn bản ủy quyền lập ngày 24/4/2017)

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Phi BĐ1, sinh năm 1977

2. Bà Thái Hồng BĐ2, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Số 230-232, đường Q, khóm Q4, phường Q3, thành phố Đ, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Nguyễn Minh T, sinh năm 2003;

Địa chỉ: Số 230-232, đường Q, khóm Q4, phường Q3, thành phố Đ, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Phi BĐ1 và bà Thái Hồng BĐ2.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Phi BĐ1.

(Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Kim NĐ trình bày:

Cha mẹ bà Kim NĐ là ông Nguyễn Văn S và Huỳnh Thị H1 lúc sinh thời có tạo lập được tài sản diện tích đất 160m² và căn nhà gắn liền với đất diện tích 120m² tọa lạc tại khóm Q5, phường Q3, thành phố Đ, tỉnh An Giang. Năm 1992, cha mẹ bà Kim NĐ có lập tờ di chúc với nội dung là giao căn nhà và đất nêu trên cho bà Kim NĐ và ông Nguyễn Phi BĐ1 được toàn quyền sở hữu (có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Q3). Đến năm 2001, Nhà nước mở đường Q, nên căn nhà cũ phải đập bỏ, để có chỗ ở ổn định cho mẹ và vợ chồng BĐ1, nên bà Kim NĐ đã gửi tiền về cho ông BĐ1 cất lại căn nhà mới trên phần đất của cha mẹ để lại, căn nhà được chia làm 02 căn (Bà Kim NĐ 01 căn và BĐ1 01 căn) sử dụng vách chung, vật liệu bê tông, cốt thép. Do thời điểm cất nhà, Nhà nước chưa cho người Việt Nam định cư nước ngoài đứng tên quyền sử dụng đất, nên năm 2003 ông BĐ1 đã làm giấy chứng nhận đứng tên toàn bộ quyền sử dụng đất nêu trên.

Phần căn nhà của bà Kim NĐ gắn liền diện tích đất đo đạc thực tế là 64,2m² bà Kim NĐ cũng giao cho ông BĐ1 trông coi, quản lý khi nào bà Kim NĐ về Việt Nam, ông BĐ1 giao chìa khóa cho bà Kim NĐ. Năm 2010, Nhà nước cho người Việt Nam ở nước ngoài đứng tên quyền sở hữu nhà đất, bà Kim NĐ yêu cầu ông BĐ1 tách thửa cho bà Kim NĐ phần căn nhà và đất như đã thỏa thuận, nhưng ông BĐ1 không đồng ý và vợ chồng ông BĐ1 đã chiếm luôn căn nhà bà

Kim NĐ để bàn ghế mở văn phòng dịch thuật để kinh doanh. Nay bà Kim NĐ yêu cầu vợ chồng ông BĐ1, c trả cho bà Kim NĐ căn nhà gắn liền với đất có diện tích 64,2m² và có trách nhiệm sang tên cho bà Kim NĐ đứng tên. Di dời bàn ghế, kệ sách, tháo dỡ bản hiệu và các đồ dùng cá nhân trước khi giao trả nhà cho bà Kim NĐ.

Đối với phần tiền vợ chồng ông BĐ1 nợ của bà Kim NĐ như sau: Do không có vốn làm ăn, nên vợ chồng BĐ1 có gọi điện thoại, viết thư cho bà Kim NĐ mượn tiền để làm ăn, bà Kim NĐ đã cho vợ chồng ông BĐ1 mượn cụ thể:

- Tiền Việt Nam: 53.600.000đ
- Tiền USD 600 quy đổi ra tiền Việt là: 13.635.000đ
- Tiền Euro 8.100 quy đổi ra tiền Việt là: 196.199.000đ.
- Vàng 24k 5 lượng, thành tiền: 176.750.000đ
- Vàng 18k 1,4 lượng, thành tiền là 36.289.400đ.
- Tiền nợ cất nhà là 15.000 Euro, quy đổi ra tiền Việt là: 363.750.000đ.

Tổng cộng vợ chồng ông BĐ1 nợ bà Kim NĐ là : 840.223.400đ; Việc vợ chồng ông BĐ1 mượn nợ có ghi biên nhận tay, yêu cầu vợ chồng ông BĐ1, bà BĐ2 trả cho bà Kim NĐ số tiền 840.223.400đ.

Ngày 20/3/2018 đại diện ủy quyền của nguyên đơn có ý kiến chỉ đòi ông BĐ1, bà BĐ2 trả số tiền 800.000.000đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 840.223.400đ, không yêu cầu ông BĐ1, bà BĐ2 phải trả.

Bị đơn ông Nguyễn Phi BĐ1 trình bày:

Phần đất diện tích 64,2m² là của mẹ ông BĐ1 là bà Huỳnh Thị H1 đã cho riêng ông BĐ1 và ông BĐ1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00229/QSĐĐ/Bd ngày 02/4/2003.

Đối với phần nhà, do không có tiền cất nhà, nên ông BĐ1 có thỏa thuận với bà Kim NĐ (chị ruột ông BĐ1) là bà Kim NĐ bỏ tiền ra cất nhà trên đất của ông BĐ1, sau khi cất mỗi người sẽ sở hữu ½ căn nhà gắn liền với đất. Sau khi xây nhà xong thì vợ chồng ông BĐ1 có ký cam kết xác nhận tài sản nhà và đất cho bà Kim NĐ, nhưng bà Kim NĐ lại đổi ý không thực hiện lời hứa mà đòi ông BĐ1 trả tiền xây nhà của ông BĐ1 là 22.000 Euro. Ông BĐ1 đã trả cho bà NĐ được 7.000 Euro chỉ còn nợ bà NĐ 15.000 Euro. Ông BĐ1 không đồng ý giao ½ căn nhà và đất theo yêu cầu của bà NĐ.

Đối với số tiền nợ 840.223.400đ bà Kim NĐ yêu cầu trả, ông BĐ1 không đồng ý trả vì không có nợ bà Kim NĐ.

Ông BĐ1 có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu tuyên bố di chúc 1992 của ông Nguyễn Văn S vô hiệu vì phần đất và căn nhà số 284, đường Q, khóm Q6, phường Q3, thành phố Đ, tỉnh An Giang do mẹ ông là Huỳnh Thị H1 nhận chuyển nhượng năm 1975, đây là tài sản riêng của mẹ ông BĐ1 không phải tài sản chung của cha mẹ, nên cha ông là ông Nguyễn Văn X không có quyền di chúc đối với tài sản này, di chúc không đúng về hình thức, hơn nữa di chúc không nêu cụ thể căn nhà ở đâu, diện tích và kết cấu thế nào.

- Yêu cầu hủy Tờ cam kết xác nhận tài sản nhà đất ngày 02/02/2005 vì Tờ cam kết không được ký tên trước mặt của người chứng kiến là bà Trần Thị Liên H là trưởng phòng tư pháp là không đúng trình tự thủ tục, hơn nữa vợ chồng ông BĐ1 ký tên là do sự ép buộc về tinh thần từ bà Nguyễn Thị Kim NĐ. Bà NĐ đã không thực hiện thỏa thuận, nên tờ cam kết đã không còn phù hợp với thực tế nữa.

- Yêu cầu công nhận sở hữu căn nhà có diện tích 134,6m² (01 lững, 01 lầu) tọa lạc tại Số 230, 232 đường Q, khóm Q6, phường Q3, thành phố Đ, tỉnh An Giang. Ông BĐ1 chỉ đồng ý trả tiền nợ xây dựng nhà còn thiếu là 15.000 Euro quy đổi ra tiền Việt là 363.750.000đ và đồng ý hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim NĐ ½ số tiền xây dựng căn nhà giá trị còn lại theo giá thị trường (không có quyền sử dụng đất).

Bà Thái Hồng BĐ2 trình bày:

Bà BĐ2 và ông Nguyễn Phi BĐ1 là vợ chồng, bà BĐ2 thống nhất toàn bộ phần trình bày của ông BĐ1. Việc giao dịch tiền bạc giữa ông BĐ1 và bà Kim NĐ như thế nào bà không rõ, đối với tờ giấy ghi nhiều con số là do chị Kim NĐ nhờ bà viết dùm cách đây cũng 10 năm rồi, viết theo yêu cầu của bà Kim NĐ, bà BĐ2 xác định giấy đó không phải là biên nhận nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2018/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim NĐ đối với số tiền 840.223.400đ về việc yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Phi BĐ1, bà Thái Hồng BĐ2 phải trả.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim NĐ về việc đòi lại căn nhà gắn liền diện tích đất 64,6m²;

Buộc ông Nguyễn Phi BĐ1, bà Thái Hồng BĐ2 và cháu Nguyễn Minh T phải có nghĩa vụ di dời, tháo dỡ tất cả đồ đạc trong căn nhà gắn liền diện tích đất 64,6m², tại các điểm 4, 22, 21, 17 theo bản vẽ ngày 25/8/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Đ; Nhà đất tọa lạc số 232, đường Q, khóm Q4, phường Q3, thành phố Đ, tỉnh An Giang, để giao trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim NĐ. Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00229/Bb ngày 02/4/2003 do Ủy ban nhân dân thị xã Đ (Nay là thành phố Đ) cấp cho ông Nguyễn Phi BĐ1 đang đứng tên.

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật đất đai và Luật Nhà ở.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc tuyên bố tờ Di chúc lập ngày 08/02/1992 vô hiệu.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc hủy Tờ cam kết lập ngày 02/02/2005.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc công nhận toàn bộ 02 căn nhà, đất có diện tích 134,4m² cho ông Nguyễn Phi BĐ1.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí dân sự, chi phí định giá và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14/11/2018, ông Nguyễn Phi BĐ1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Phi BĐ1 vẫn giữ yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của ông BĐ1.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim NĐ (có bà Trần Thị Liên H đại diện theo ủy quyền) không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông BĐ1, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà Thái Hồng BĐ2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: trẻ Nguyễn Minh T (có ông BĐ1 bà BĐ2 đại diện theo pháp luật) đều có ý kiến, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông BĐ1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: ông Nguyễn Phi BĐ1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông BĐ1 và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện và khai nhận của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim NĐ (có bà Trần Thị Liên H đại diện theo ủy quyền), cha của bà Kim NĐ có tên Nguyễn Văn S, sinh năm 1933 và mẹ có tên là Huỳnh Thị H1. Ngày 08/02/1992, cha mẹ của bà Kim NĐ lập tờ di chúc với nội dung để lại căn nhà số 284 khóm Q6 (phường B) đường liên tỉnh 10 (nay số 230-232 đường Q, khóm Q4, phường Q3, thành phố Đ, tỉnh An Giang) cho bà Kim NĐ và ông Nguyễn Phi BĐ1. Ngày 02/02/2005, bà Kim NĐ và vợ chồng ông BĐ1 bà Thái Hồng BĐ2 lập tờ cam kết xác nhận tài sản nhà đất với nội dung, thoả thuận chia $\frac{1}{2}$ diện tích nhà đất nêu trên do cha mẹ để lại cho bà Kim NĐ với diện tích 67,6m² và vợ chồng ông BĐ1 bà BĐ2 được 67m².

[2] Bà Kim NĐ cho rằng ông BĐ1 không thực hiện việc tách thửa theo thoả thuận nên căn cứ vào tờ di chúc và tờ cam kết nêu trên khởi kiện vợ chồng ông BĐ1 bà BĐ2 có trách nhiệm tách thửa và giao trả lại căn nhà đất với diện tích như thoả thuận.

[3] Ông BĐ1 bà BĐ2 thống nhất khai nhận có việc cha mẹ lập tờ di chúc cũng như vợ chồng ông bà có ký tờ cam kết như bà Kim NĐ khai. Tuy nhiên, di sản này ông BĐ1 được mẹ là bà Huỳnh Thị H1 tặng cho năm 2003. Tờ di chúc do cha mẹ lập bị vô hiệu, vì đất là tài sản riêng của mẹ chuyển nhượng từ năm 1975 nên cha của ông không có quyền định đoạt. Ông yêu cầu hủy tờ di chúc này. Đối với tờ cam kết ngày 02/02/2005 vợ chồng ông bị bà Kim NĐ ép buộc ký và khi đó thoả thuận, bà Kim NĐ gửi tiền về để xây nhà là 22.000 Euro nhưng sau này bà Kim NĐ đòi lại tiền xây dựng nhà, ông BĐ1 đã trả 7000 Euro. Như vậy, bà Kim NĐ đã tự không thực hiện theo thoả thuận nên yêu cầu hủy tờ cam kết này. Nhà đất số 284 nêu trên được tách thành 02 căn mang số 230 và 232 hiện do ông đứng tên nên yêu cầu xác định là tài sản riêng của ông BĐ1.

[4] Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm, căn cứ vào tờ di chúc và tờ cam kết chia tài sản chung để xác định quan hệ tranh chấp giải quyết vụ án “đòi tài sản” là không đúng và thiếu yêu cầu phản tố của bị đơn. Chứng cứ nguyên đơn khởi kiện không phải là chứng cứ pháp lý đã xác định ½ căn nhà nêu trên là tài sản thuộc sở hữu của bà Kim NĐ, di sản đang tranh chấp bà Kim NĐ chưa có đăng ký kê khai di sản thừa kế. Do đó, theo tài liệu trong hồ sơ vụ án, khai nhận của các đương sự, quan hệ giải quyết tranh chấp vụ án này phải là chia di sản thừa kế do cha mẹ để lại và yêu cầu hủy di chúc, văn bản thoả thuận chia tài sản chung và xác định tài sản riêng.

[5] Như vậy, do xác định chưa đúng, thiếu quan hệ pháp luật giải quyết vụ án, từ đó, áp dụng pháp luật không chính xác dẫn đến hệ quả giải quyết vụ án và tính án phí sơ thẩm không đúng.

[6] Tại đơn khởi kiện ngày 18/4/2017 (BL 18-20) bà Kim NĐ khai cha của bà có tên Nguyễn Văn S, sinh năm 1933. Tờ di chúc lập ngày 08/02/1992 thể hiện tên cha của các đương sự là Nguyễn Văn S, 60 tuổi. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông BĐ1 khai nhận cha của ông có tên Nguyễn Văn X, sinh năm: 1930 (và cung cấp giấy khai sinh). Như vậy, so với tờ di chúc, không có sự thống nhất về tên và năm sinh của cha của các đương sự. Ông BĐ1 lại có yêu cầu phản tố yêu cầu hủy tờ di chúc này do vi phạm hình thức và nội dung. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập làm rõ vấn đề này là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

[7] Theo khai nhận các đương sự, vào năm 2005, ông BĐ1 là người đứng ra xin giấy phép xây dựng tách nhà đất số 284 ra thành 02 căn nhà nay có số 230 - 232; ông cũng là người đóng các loại thuế đất và là người trực tiếp trông nom, quản lý và sử dụng. Trường hợp, khi giải quyết yêu cầu chia di sản thừa kế do cha mẹ để lại, tuy ông BĐ1 không yêu cầu xem xét công sức vì cho rằng tài sản này đã được mẹ tặng cho nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Kim NĐ nhưng yêu cầu xác định quyền lợi là lớn hơn yêu cầu xem xét về công sức, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đến công sức đóng góp vào việc quản lý tôn tạo di sản làm tăng giá trị nhà đất, cũng như tiền thuế đất ông BĐ1 đã đóng là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông BĐ1 theo quy định của pháp luật dân sự và Án lệ số 05/2016/AL, chưa giải quyết chưa triệt để yêu cầu của đương sự.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thống nhất khai nhận căn nhà đất số 232 nêu trên do vợ chồng ông BĐ1 bà BĐ2 và các con đang sinh sống ổn định. Do đó, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông BĐ1 phải giao phần nhà đất này lại cho nguyên đơn là chưa phù hợp với thực tế trong khi căn nhà số 230 chưa có ai sử dụng. Tòa án cấp sơ thẩm định giá di sản thừa kế là toàn bộ căn nhà số cũ là 284 (nay là 230 và 232) làm cơ sở tính án phí là chưa

phù hợp vì diện tích hai căn nhà có sự chênh lệch, lẽ ra nên định giá từng căn 230 và 232 để làm cơ sở giải quyết vụ án khi chia di sản thừa kế và tính án phí.

[9] Ngoài ra, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc gia đình ông BĐ1 phải di dời tháo dỡ tất cả đồ đạc trong căn nhà gắn với diện tích đất tọa lạc tại số 232 là chung chung, không cụ thể dẫn tới bản án khó thi hành. Tòa án cấp sơ thẩm phải làm rõ gia đình ông BĐ1 đầu tư cụ thể những gì trên nhà đất này mà không thể tháo dỡ hoặc khi tháo dỡ làm ảnh hưởng tới cấu trúc, hư hỏng nhà đất, từ đó nếu bà Kim NĐ nhận phần nhà đất này thì quy ra giá trị hoàn lại cho ông BĐ1.

[10] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy những vi phạm, thiếu sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung, sửa chữa được, và để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự được hai cấp xét xử nên Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định pháp luật. Bản án Tòa án cấp sơ thẩm bị hủy do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết nội dung vụ án.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: người kháng cáo, ông Nguyễn Phi BĐ1 không phải chịu theo quy định pháp luật án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2018/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang về việc “Tranh chấp đòi tài sản”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim NĐ, sinh năm 1958

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Liên H, sinh năm 1957

2. Bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn Phi BĐ1, sinh năm 1977

2.2 Bà Thái Hồng BĐ2, sinh năm 1977

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Minh T, sinh năm 2003

(Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Phi BĐ1 và bà Thái Hồng BĐ2).

Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án nêu trên về Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí thủ tục khác sẽ được xác định khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Phi BĐ1 không phải chịu. Hoàn trả lại 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Phi BĐ1 theo Biên lai thu số 0001564 ngày 21/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Minh

Phan Tô Ngọc

Phan Nhựt Bình